

MORALITY 6

LUÂN LÝ 6

Phaolô Phạm xuân Khôi or Paul Pham
giaolygh@gmail.com
713-398-1554

Opening Prayer – Jer 1:4-10

⁴The word of the LORD came to me thus:
⁵"Before I formed you in the womb I knew you, before you were born I dedicated you, a prophet to the nations I appointed you."
⁶"Ah, Lord GOD!" I said, "I know not how to speak; I am too young."
⁷But the LORD answered me, "Say not, I am too young. To whomever I send you, you shall go; whatever I command you, you shall speak.
⁸Have no fear before them, because I am with you to deliver you," says the LORD.
⁹Then the LORD extended his hand and touched my mouth, saying, "See, I place my words in your mouth!
¹⁰This day I set you over nations and over kingdoms, To root up and to tear down, to destroy and to demolish, to build and to plant."

⁴Có lời ĐỨC CHÚA phán với tôi rằng:
⁵"Trước khi cho ngươi thành hình trong dạ mẹ, Ta đã biết ngươi; trước khi ngươi lọt lòng mẹ, Ta đã thánh hoá ngươi, Ta đặt ngươi làm ngôn sứ cho chư dân."
⁶Nhưng tôi thưa: "Ôi! Lạy ĐỨC CHÚA là Chúa Thượng, con đây còn quá trẻ, con không biết ăn nói!"
⁷ĐỨC CHÚA phán với tôi: "Đừng nói ngươi còn trẻ! Ta sai ngươi đi đâu, ngươi cứ đi; Ta truyền cho ngươi nói gì, ngươi cứ nói. ⁸Đừng sợ chúng, vì Ta ở với ngươi để giải thoát ngươi", - sấm ngôn của ĐỨC CHÚA.
⁹Rồi ĐỨC CHÚA giơ tay chạm vào iệng tôi và phán: "Đây Ta đặt lời Ta vào miệng ngươi.
¹⁰Coi, hôm nay Ta đặt ngươi đứng đầu các dân các nước, để nhổ, để lật, để huỷ, để phá, để xây, để trồng."

Essential Question for this Course Câu Hỏi Thiết Yếu của Lớp này

What ought I do and how ought I be as a result of being a disciple of Jesus Christ?

Tôi phải làm gì và phải làm sao để kết cuộc thành một môn đệ của Chúa Giêsu Kitô?

Review

- | | |
|--|--|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. Christian morality is all about our effort to respond to the gift of God's love. 2. The Christian moral life is also a life of active participation in the reign of God. 3. Freedom is the power, rooted in reason and will, to act or not to act, to do this or that, and so to perform deliberate actions on one's own responsibility. It attains its perfection when directed toward God, our beatitude (CCC 1731). 4. Sin is the misuse of human freedom. By refusing God's plan of love, man deceived himself and became a slave to sin. 5. Replacing sins with virtues 6. Grace restores our freedom | <ol style="list-style-type: none"> 1. Tất cả luân lý Kitô giáo là về nỗ lực của ta để đáp lại món quà tình yêu của Thiên Chúa. 2. Đời sống luân lý Kitô giáo cũng là tích cực tham gia vào triều đại của Thiên Chúa. 3. Tự do là khả năng bắt nguồn từ lý trí và ý chí để chọn làm hay không làm điều gì, nhờ đó con người có thể làm những việc có ý thức và chịu trách nhiệm về việc mình làm. Tự do đạt tới mức hoàn hảo khi quy hướng về Thiên Chúa, nguồn hạnh phúc của chúng ta. (1731). 4. Tội lỗi là sự lạm dụng sự tự do của con người. Khi từ chối kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa, con người đã tự lừa dối mình; và trở thành nô lệ của tội lỗi. 5. Thay thế tội lỗi bằng nhân đức 6. Ân sủng phục hồi sự tự do của chúng ta |
|--|--|

Review

Christian Morality: In the Breath of God, Chapter 1 (See Lesson 1 - Handout 1)

Three implications of having a vocation to live in the Spirit to be?

1. _ Everyone is holy and should be treated reverently
2. _ The Holy Spirit empowers us to continue the mission of Christ
3. _ we have received the gift of God's life into our lives in an enduring way

Ba hàm ý của việc có ơn gọi sống trong Thần Khí là gì?

1. _ Mọi người đều thánh thiêng và phải được đối xử cách kính trọng
2. _ Chúa Thánh Thần ban sức cho chúng ta để tiếp tục sứ vụ của Đức Kitô
3. _ Chúng ta đã nhận được hồng ân sự sống của Thiên Chúa vào cuộc sống mình một cách bền vững

The Kingdom of God - Nước Thiên Chúa

What is the relationship between the moral life and the Kingdom of God?

Christian life is life in the Spirit. It is:

- the ability to let God live in us and through us,
- the ability to believe that the reign of God will come about because of the power of the Spirit of God.
- But Christian life also entails being a witness.

To be a witness for Christ means acting in sometimes dramatic, costly ways.

Liên hệ giữa đời sống luân lý và Nước Thiên Chúa là gì?

Đời sống Kitô hữu là đời sống trong Thần Khí. Đó là:

- khả năng để cho Thiên Chúa sống trong chúng ta và qua chúng ta,
- khả năng tin rằng triều đại Thiên Chúa sẽ đến bởi vì quyền năng của Thần Khí của Thiên Chúa.
- Nhưng đời sống Kitô hữu cũng đòi hỏi phải thành một nhân chứng.

Để làm chứng nhân cho Đức Kitô nghĩa là hành động theo những cách đôi khi bi thảm và đắt giá.

Key Learnings – Human Freedom

Những điểm chính – sự Tự Do của Con Người

- Freedom is the power to act (or not act)
- Every act directly willed is imputed to its author
- Imputability can be diminished by
 - Ignorance
 - Inadvertence
 - Duress
 - Fear
 - Habit
 - Inordinate attachment
 - Psychological forces
 - Social forces
- Sin is the misuse of human freedom.
- Grace restores our freedom
- Tự do là khả năng hành động (hay không)
- Mọi hành động được trực tiếp muốn đều được quy tội cho tác giả
- Việc quy tội có thể giảm bớt bởi:
 - Thiếu hiểu biết
 - Sự vô ý – không chú ý
 - Bị cưỡng ép
 - Sợ hãi
 - Thói quen
 - Quyên luyến bất thường
 - Các yếu tố tâm lý
 - Các yếu tố xã hội
- Tội lỗi là lạm dụng tự do.
- Ân sủng phục hồi tự do của chúng ta

What are Virtues? Các Nhân Đức là gì?

A virtue is an habitual and firm disposition to do the good. It allows the person not only to perform good acts, but to give the best of himself. The virtuous person tends toward the good with all his sensory and spiritual powers; he pursues the good and chooses it in concrete actions (CCC 1803).

Nhân đức là một khuynh hướng thường xuyên và kiên trì để làm điều thiện. Nó khiến con người không những thực hiện những hành vi tốt, mà còn làm hết sức mình. Người nhân đức hướng về điều thiện với tất cả sức mạnh giác quan và tinh thần của mình; họ theo đuổi và lựa chọn điều thiện bằng những hành động cụ thể của mình (GLHTCG 1803).

Cardinal Virtues – Các Nhân Đức Trụ

<u>Extreme - Too Much</u>	<u>Virtue: Middle/Mean</u>	<u>Extreme - Too Little</u>
Rash judgment Vội vàng xét đoán	Prudence Khôn ngoan sáng suốt	Indecisiveness Do dự
Irrational Generosity Đại lượng cách phi lý	Justice Công Bằng	Hardness of heart Cứng lòng
Foolhardiness Liều lĩnh	Fortitude Can Đảm	Cowardice Nhát đảm
Gluttony, Lust Tham ăn uống, dâm dật	Temperance Tiết Độ	Starvation, Insensibility Đói khổ - Vô cảm

Theological Virtues – Các Nhân Đức Đối Thần

<u>Extreme: Too Much</u>	<u>Virtue: Middle/Mean</u>	<u>Extreme: Too Little</u>
Fideism Duy tín	Faith Đức Tin	Rationalism Duy lý
Presumption Tự phụ	Hope Đức Cậy	Despair, Pessimism Tuyệt vọng, bi quan
Possessiveness Chiếm hữu	Charity Đức Ái	Apathy, Indifference Lãnh đạm, thờ ơ

Foundations of Christian Moral Theology

Morality of Human Acts

Components which make an act morally good:

- Object of the Action (means)
- Intention of the Agent (goal)
- Circumstances of the action

Tính Luân Lý của Hành vi Nhân Linh

Những thành phần làm cho một hành vi tốt về luân lý:

- Đối tượng của Hành Vi (phương tiện)
- Chủ ý của Tác Nhân (mục đích)
- Các hoàn cảnh của hành động

11

What is Sin – Tội Là Gì?

- | | |
|--|--|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. An abuse of the freedom that God gives to reject God and oppose to Him; 2. An offense against reason, truth, and right conscience; 3. Failure in genuine love for God and neighbor caused by a perverse attachment to certain goods; 4. “Love of oneself even to contempt of God.” | <ol style="list-style-type: none"> 1. Lạm dụng sự tự do mà Thiên Chúa ban để chối bỏ Thiên Chúa và chống lại Ngài; 2. Một sự xúc phạm đến lý trí, chân lý, lương tâm ngay chính; 3. Thiếu tình yêu đích thực đối với Thiên Chúa và tha nhân do việc ngoan cố dính lứu với những lợi ích nào đó; 4. “Yêu mình đến nỗi coi thường Thiên Chúa”. |
|--|--|

3 Types of Sins – Ba thứ Tội

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Sin as fact <ul style="list-style-type: none"> ▪ Original Sin • Sin as act <ul style="list-style-type: none"> ▪ Personal sin • Sin as state <ul style="list-style-type: none"> ▪ Social sin | <ul style="list-style-type: none"> • Tội lỗi là một thực tại <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tội Tổ Tông • Tội lỗi là một hành động <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tội cá nhân • Tội lỗi là một tình trạng <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tội xã hội |
|---|--|

From Chapter 3: Christian Morality in the Breath of God Luân Lý Kitô Giáo và Tiến Trình Lương Tâm

Conscience as a capacity, a process, and a judgment:

1. Conscience as Capacity for Goodness and Rightness
2. Conscience as Process: The Homework of Moral Decision Making
3. Conscience as Judgment: Taking Responsibility

Lương tâm như một khả năng, tiến trình và phán quyết

1. Lương Tâm như Khả Năng làm Điều Tốt Lành và Ngay Thẳng
2. Lương tâm như Tiến Trình: Bài Tập về Quyết Định Luân Lý
3. Lương Tâm như Phán Quyết: Lãnh Nhận Trách Nhiệm

Conscience and Moral Decision Making
Lương Tâm và Quyết Định Luân Lý

Role of conscience is to judge Vai trò lương tâm là phán quyết

➤ **Antecedent**

- *Commanding*
- *Forbidding*
- *Permitting*
- *Counseling*

➤ **Consequent**

- *Excusing*
- *Approving*
- *Condemning*

➤ **Trước**

- *Ra lệnh*
- *Cấm*
- *Cho phép*
- *Khuyên nhủ*

➤ **Hậu quả**

- *Bào chữa*
- *Chuẩn y*
- *Lên án*

Conscience and Moral Decision Making
Lương Tâm và Quyết Định Luân Lý (1782)

Erroneous Conscience

- *Invincibly false*
- *Vincibly false*

Lương Tâm Sai Lầm

- *Sai lầm không cố ý*
- *Sai lầm có chủ ý*

Purpose of this session - Mục đích lớp học này

- We now turn our attention to more specific questions, questions about what we are called to do or not do in specific areas of our life. In the present chapter, we focus on our responsibility to preserve our health and life as well as the health and lives of those entrusted to our care.
- This chapter does not offer a recipe for simple solutions, but it does provide helpful wisdom from Catholic tradition, wisdom that is captured well in the CCC
- Bây giờ chúng ta tập trung vào các câu hỏi cụ thể hơn, các câu hỏi về những gì chúng ta được mời gọi để làm hoặc không làm trong những lĩnh vực cụ thể của cuộc sống. Chúng ta tập trung vào trách nhiệm bảo vệ sức khỏe và sự sống của mình cũng như sức khỏe và sự sống của những người được trao cho mình chăm sóc.
- Bài này không cung cấp một công thức cho các giải pháp đơn giản, nhưng cung cấp sự khôn ngoan hữu ích từ truyền thống Công giáo, sự khôn ngoan được trình bày rõ ràng trong sách GLHTCG.

Basic Moral Question – Câu hỏi căn bản

- What kinds of responsibilities do we have to take care of our health and to preserve our lives?
- What kinds of responsibilities do we have to do the same for those entrusted to our care, that is, our children, our aging parents, and, if we are healthcare professionals, the patients we serve?
- Chúng ta có những loại nhiệm vụ nào để chăm sóc sức khỏe và bảo tồn sự sống của mình?
- Chúng ta có những loại nhiệm vụ nào để làm như thế cho những người được trao phó cho chúng ta chăm sóc, nghĩa là, con cái, cha mẹ già của chúng ta, và, nếu chúng ta là nhân viên y tế, các bệnh nhân mà chúng ta phục vụ?

Basic Moral Question – Câu hỏi căn bản

- Human life is sacred because from its beginning it involves the creative action of God and it remains for ever in a special relationship with the Creator. (Donum Vitae)
- Life and physical health are precious gifts entrusted to us by God. We must take reasonable care of them, taking into account the needs of others and the common good. (CCC, #2288)
- “Sự sống con người là thánh thiêng vì từ lúc bắt đầu nó liên quan đến hành động sáng tạo của Thiên Chúa và mãi mãi là mối liên hệ đặc biệt với Đấng Tạo Hóa” (Donum Vitae)
- Sự sống và sức khỏe thể lý là những món quà quý báu mà Thiên Chúa ban cho chúng ta. Chúng ta phải chăm sóc chúng cách hợp lý, trong khi nghĩ đến những nhu cầu của người khác và công ích. (GLHTCG, # 2288)

Basic Moral Question – Câu hỏi căn bản

There are two important things to be noted.

- Life is sacred; it is a gift of the loving Creator. We have the duty to appreciate and protect it.
- We do not need to take all measures to prolong life. Life is sacred, but there may be times when other values and goods emerge as being even more important than the preservation of life. .

Có hai điều này rất quan trọng cần phải lưu ý

1. Sự sống là thánh thiêng; nó là một món quà của Đấng Tạo Hóa đầy yêu thương. Chúng ta có nhiệm vụ phải trân quý và bảo vệ nó.
2. Chúng ta không cần phải dùng mọi biện pháp để kéo dài sự sống. Sự sống là thánh thiêng, nhưng đôi khi các giá trị và các sự tốt lành khác lại quan trọng hơn việc bảo tồn sự sống. .

Life Issues – Các Vấn Đề về Sự Sống

Life as a Gift from God (CCC 2260)

- The covenant between God and mankind is interwoven with reminders of God's gift of human life and man's murderous violence...
- The Old Testament always considered blood a sacred sign of life.
- This teaching remains necessary for all time.

Sự sống là một Món Quà từ Thiên Chúa (CCC 2260)

- Giao ước giữa Thiên Chúa và con người được đan kết với những lời nhắc nhở về hồng ân sự sống của Thiên Chúa và bạo lực sát nhân của con người...
- Cựu Ước luôn luôn coi máu như một dấu chỉ thánh thiêng của sự sống.
- Giáo huấn này vẫn còn cần thiết cho mọi thời đại.

Basic Moral Principles - Các nguyên tắc luân lý Căn Bản

The principle of the double effect

An act that is good, but that has an evil side effect, may only be done under the following conditions:

- The act itself must be good or at least morally neutral
- The evil effect must not be directly willed, but only foreseen and tolerated
- The good effect must not be the result of the evil effect
- The good desired must equal or outweigh the evil permitted.

Nguyên tắc song hiệu

Một hành động tốt, nhưng có một hậu quả phụ xấu (dữ), chỉ được làm với những điều kiện sau:

- Chính hành động phải là tốt hay trung lập về luân lý
- Hậu quả dữ không được muốn cách trực tiếp, nhưng chỉ được thấy trước và cho phép
- Thành quả tốt không được là kết quả của hiệu quả xấu
- Điều tốt mà chúng ta muốn phải bằng hay lớn hơn sự dữ được phép làm.

Basic Moral Principles - Các nguyên tắc luân lý Căn Bản

Principle of Totality

Reasonableness of sacrificing part of a whole for the good of the whole.

- The action cannot be intrinsically evil.
- Corresponds to the concept of the common good in society.
- Permanent – amputation
- Temporary – anesthesia – temporary loss of consciousness for the good of the whole
- Surgical interventions

Nguyên tắc Vẹn Toàn

Sự hợp lý của việc hy sinh một phần của toàn thể vì sự tốt lành cho toàn thể.

- Hành động không được là sự dữ tự bản chất.
- Tương xứng với khái niệm về công ích trong xã hội.
- Vĩnh viễn – cắt bỏ
- Tạm thời – gây mê – tạm thời mất ý thức vì sự tốt lành cho toàn thể
- Các can thiệp giải phẫu

Surgical interventions – Các Can Thiệp Phẫu Thuật

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▪ Continuing presence or functioning of an organ constitutes a threat to the whole. ▪ The damage cannot be avoided or diminished except by the mutilation. ▪ The results must be greater than or equal to the negative effect. | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Sự tiếp tục hiện diện hay hoạt động của cơ quan tạo nên một sự đe dọa cho toàn thể ▪ Sự thiệt hại không thể tránh được hoặc giảm thiểu trừ khi cắt bỏ. ▪ Các kết quả phải lớn hơn hoặc bằng hậu quả tiêu cực. |
|--|---|

Principle of Confidentiality – Nguyên tắc Bảo Mật

Health care providers are to respect each person's privacy and confidentiality regarding information related to the person's diagnosis, treatment, and care.

(Ethical and Religious Directives for Catholic Health Care Services, USCCB, 2009, #34)

- The patient's right to know
- The patient's right to secrecy

Những người cung cấp việc chăm sóc sức khỏe phải tôn trọng sự riêng tư và sự bảo mật của mỗi người về các dữ kiện liên hệ đến việc chẩn bệnh, chữa trị và chăm sóc của một người.

(Ethical and Religious Directives for Catholic Health Care Services, USCCB, 2009, #34)

- Quyền được biết của bệnh nhân
- Quyền bảo mật của bệnh nhân

Respect Life – Tôn Trọng Sự Sống

Defend and Promote Life

- Beginning life
- During life
- Dying
- Death

Bảo vệ và Thăng Tiến Sự Sống

- Khởi đầu cuộc sống
- Trong khi đang sống
- Khi hấp hối
- Chết

Beginning of Life – Bắt Đầu Cuộc Sống

Human life must be **respected** and **protected absolutely** *from the moment of conception.*

From the first moment of his existence, a human being must be recognized as having the rights of a person - among which is the inviolable right of ever innocent being to life (CCC 2270).

Sự sống của con người phải được **tuyệt đối tôn trọng** và **bảo vệ từ lúc thụ thai.** Từ giây phút đầu tiên của sự hiện hữu, một con người phải được công nhận như có các quyền lợi của một người – trong số đó quyền được sống là quyền bất khả xâm phạm của mọi thụ tạo vô tội (CCC 2270).

Abortion – Phá Thai

Since the first century the Church has affirmed the moral evil of every procured abortion.

This teaching has not changed and remains unchangeable. Direct abortion, that is to say, abortion willed either as an end or a means, is gravely contrary to the moral law.

You shall not kill the embryo by abortion and shall not cause the newborn to perish.[Dedache]

Ngay từ thế kỷ thứ nhất, Hội Thánh đã xác quyết tính xấu xa về luân lý của việc tìm cách phá thai.

Giáo huấn này bất biến và vẫn còn không thay đổi. Trực tiếp phá thai, nghĩa là muốn phá thai như một chủ đích hay một phương tiện, đều trái ngược với luật luân lý cách trầm trọng. *Các người không được giết bào thai bằng cách phá thai và không được làm cơ cho trẻ sơ sinh bị thương mất.* [Giáo Huấn các Tông Đồ]

Abortion – Phá Thai

Formal cooperation in an abortion constitutes a grave offense. The Church attaches the canonical penalty of *excom-munication* to this crime against human life. "A person who procures a completed abortion incurs excommunication *latae sententiae*" "by the very com-mission of the offense."

Chính thức cộng tác vào một cuộc phá thai tạo thành một tội trọng. Hội Thánh kèm theo tội chống lại sự sống con người này một *vạ tuyệt thông* theo giáo luật. “Một người tìm cách hoàn tất một việc phá thai sẽ *tự động* bị *vạ tuyệt thông*” bởi “chính việc phạm tội này”

Pre-natal Diagnosis – Chẩn Đoán Tiền Sinh

- **Licit** “*If prenatal diagnosis respects the life and integrity of the embryo and the human fetus and is directed towards its safeguarding or healing as an individual*” (Donum Vitae, 1987)
- **Requires:**
 - the consent of the parents after they have been adequately informed
 - the methods employed safeguard the life and integrity of the embryo and the mother
 - no disproportionate risks.
- **Được Phép** “*Nếu việc chẩn đoán tiền sinh tôn trọng sự sống và sự toàn vẹn của phôi thai và bào thai của con người cùng hướng về việc bảo toàn và chữa lành nó như một cá nhân*” (Donum Vitae, 1987)
- **Đòi hỏi:**
 - Sự ưng thuận của cha mẹ sau khi đã được thông báo đầy đủ tin tức
 - Các phương pháp được sử dụng bảo toàn sự sống và sự toàn vẹn của bào thai và của người mẹ
 - Không có những nguy hiểm bất tương xứng.

Pre-natal Diagnosis – Chẩn Đoán Tiền Sinh

- **Illicit** if done with the thought that an abortion would be sought if some problem or abnormality was diagnosed.
- **Không được phép** nếu làm với ý tưởng là sẽ tìm cách phá thai nếu khi chẩn đoán tìm thấy một vài vấn đề hoặc sự bất thường.

Therapeutic Procedures on Human Embryo Phẫu Thuật Chữa Trị trên Phôi Thai Con Người

Licit if:

- Respects life and integrity of embryo
- No disproportionate risk
- Directed toward its healing
- Free and informed consent of parents

Được Phép nếu:

- Tôn trọng sự sống và sự toàn vẹn của bào thai
- Không có nguy hiểm bất tương xứng
- Nhằm chữa lành nó
- Có sự tự do ưng thuận của cha mẹ khi được thông tin đầy đủ.

Therapeutic Procedures on Human Embryo Phẫu Thuật Chữa Trị trên Phôi Thai Con Người

Use of fetal tissue for experimentation and genetic engineering

No, if:

- It involves risk to the embryo's physical integrity or life
- It is not directly therapeutic

Yes, if:

- used for the benefit of the embryo itself in a final attempt to save its life, and
- in the absence of other reliable forms of therapy.

Sử dụng mô (tissue) của thai nhi để làm thí nghiệm về kỹ thuật di truyền (genetic engineering)

Không, nếu:

- Nó liên quan đến sự rủi ro cho sự toàn vẹn thể lý hay sự sống của bào thai
- Nó không trực tiếp chữa bệnh

Được phép, nếu:

- Được dùng để giúp ích cho chính bào thai trong nỗ lực cuối cùng để cứu mạng sống nó, và
- Không còn cách chữa bệnh đáng tin cậy nào khác.

Therapeutic Procedures on Human Embryo Phẫu Thuật Chữa Trị trên Phôi Thai Con Người

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▪ Corpses must be shown same human respect ▪ It is immoral to produce human embryos destined to be exploited as disposable "biological material." ▪ It is not in conformity with the moral law deliberately to expose to death human embryos obtained 'in vitro.' | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Các xác chết cũng phải được tôn trọng như con người ▪ Sản xuất các phôi thai con người nhằm xử dụng như những "vật liệu sinh học" là hành động vô luân. ▪ Cố tình vứt bỏ xác chết của phôi thai con người thu lượm được 'trong ống nghiệm' là điều không phù hợp với luật luân lý. |
|---|--|

Reproductive Principles – Các Nguyên Tắc Truyền Sinh

- A child is not a right of a married couple, but a gift from God.
- Although a child is always a good, not every act in conceiving a child is moral. Just because the techniques exist, does not necessarily mean they are moral.
- If all moral techniques fail, the option for adoption exists.
- Một đứa con không phải là quyền của cặp vợ chồng mà là một món quà từ Thiên Chúa.
- Mặc dù một đứa con luôn là điều tốt, không phải mọi việc làm để thụ thai một đứa trẻ là tốt. Cũng như vì kỹ thuật hiện hữu, không nhất thiết có nghĩa là chúng hợp với luân lý.
- Nếu mọi kỹ thuật hợp với luân lý đều thất bại, vẫn còn chọn lựa là nuôi con nuôi.

Reproductive Principles – Các Nguyên Tắc Truyền Sinh

- The medical treatment or procedure can never seek to replace the marital act, but must only assist the act.
- The marital act can not be separated from procreation act.
- and procreation can not be separated from marital act.
- Việc điều trị hay phẫu thuật y học không bao giờ được tìm cách thay thế việc chăn gối, nhưng chỉ có thể trợ giúp nó.
- Hành vi chăn gối không được tách biệt khỏi hành vi sinh sản.
- Và việc sinh sản không thể được tách rời việc chăn gối.

Reproductive Technologies – Kỹ Thuật Truyền Sinh

Heterologous artificial fertilization

- Contrary to the unity of marriage, to the dignity of the spouses, to the vocation proper to parents, and to the child's right to be conceived and brought into the world in marriage and from marriage.
- Causes damage to the personal relationships within the family.
- Subjectively good intentions are not enough to render this morally licit.

Thụ Tinh nhân tạo với người không phải là chồng

- Nghịch với sự hợp nhất trong hôn nhân, với phần giá của vợ chồng, với ơn gọi thích đáng của cha mẹ, và với quyền được thụ thai và đem và thế giới trong hôn nhân và từ hôn nhân của đứa trẻ.
- Gây ra sự thiệt hại cho các mối liên hệ trong gia đình.
- Các ý định tốt chủ quan không đủ để làm cho điều này thành hợp pháp.

Reproductive Technologies - Kỹ Thuật Truyền Sinh

Surrogate motherhood

Two forms

- Embryo is genetic stranger to the surrogate mother, obtained through fertilization from two distinct donors.
- Embryo is genetic child of the surrogate mother.

Đẻ mướn

Hai hình thức

- Phôi thai không phát sinh từ người đẻ mướn, mà nhận được bởi sự thụ tinh của hai người cho khác nhau.
- Phôi thai là đứa con ruột của người đẻ mướn.

Reproductive Technologies - Kỹ Thuật Truyền Sinh

Surrogate motherhood - Morally illicit

- an objective failure to meet the obligations of maternal love, of conjugal fidelity and of responsible motherhood.
- offends the dignity and the right of the child to be conceived, carried in the womb, brought into the world and brought up by his own parents.
- sets up a division between the physical, psychological and moral elements which constitute those families.

Đẻ Mướn – Không được phép về Luân Lý

- Một thất bại khách quan trong việc làm tròn bổn phận yêu thương mẫu tử, trong việc chung thủy vợ chồng và làm mẹ có trách nhiệm.
- Xúc phạm đến phẩm giá và quyền lợi của đứa trẻ được thụ thai, được mang trong bụng, được đưa vào thế giới và được cha mẹ của mình nuôi dưỡng.
- Gây ra một sự phân chia giữa các yếu tố thể lý, tâm lý và luân lý là những điều tạo thành các gia đình ấy.

Reproductive Technologies - Kỹ Thuật Truyền Sinh

Homologous artificial fertilization

- Inseparability of the two meanings of the conjugal act.
- Fertilization licitly sought only when
 - it is the result of a conjugal act which is per se suitable for the generation of children to which marriage is ordered by its nature and by which the spouses become one flesh.
 - It takes place within the woman's body.

Thụ tinh nhân tạo bởi tinh trùng người chồng

- Sự không thể tách biệt được của hai ý của việc vợ chồng.
- Việc thụ tinh chỉ hợp lệ khi
 - Nó là kết quả của hành vi chăn gối là hành vi mà tự nó thích hợp cho việc sinh sản con cái mà hướng về đó hôn nhân được sắp đặt bởi bản chất của nó và nhờ đó hai vợ chồng trở nên một xương một thịt.
 - Nó xảy ra trong thân xác của người phụ nữ.

Reproductive Technologies - Kỹ Thuật Truyền Sinh

Infertility

- Artificial Insemination (AI)
- In Vitro Fertilization (IVF)
- Gamete inter-fallopian transfer (GIFT).

Việc Hiếm Muộn

- Thụ tinh Nhân tạo (AI)
- Thụ tinh trong ống nghiệm (IVF)
- Chuyển giao tử vào vòi dẫn trứng (GIFT).

Reproductive Technologies - Kỹ Thuật Truyền Sinh

Artificial Insemination

- inserting human semen into a woman without intercourse taking place.
- semen is collected from masturbation either by the husband or a donor.
- The semen is then either immediately used or stored for future use.

It is not **unitive** - method of collection.

Thụ Thai Nhân Tạo

- Bỏ tinh trùng của người ta vào một phụ nữ mà không có việc ăn nằm.
- Tinh trùng được thu từ việc thủ dâm hoặc của người chồng hoặc của người cho tinh trùng.
- Tinh trùng hoặc được sử dụng ngay hoặc được cất giữ để sử dụng trong tương lai.

Phương pháp thu góp tinh trùng – không có **sự hợp nhất**.

Reproductive Technologies - Kỹ Thuật Truyền Sinh

In Vitro Fertilization (IVF)

- Several eggs are removed from the woman and are combined with sperm in a special culture dish.
- The fertilized ovum is either placed in the woman for normal development or is frozen for later use.

Illicit - not a moral option

- Not Unitive.
- Creative aspect of the conjugal act missing
- It is outside the couple
- Killing of life – extra embryos killed
- Frozen
- Immoral way semen was collected
- If pregnancy is successful they sometimes donate their embryos to others

Thụ Thai trong Ống Nghiệm (IVF)

- Vài trứng được lấy ra từ người phụ nữ và được kết hợp với tinh trùng trong một cái đĩa nhỏ.
- Hợp tử (trứng đã thụ tinh) được hoặc đặt vào trong người phụ nữ hầu phát triển bình thường hoặc đông lạnh để dùng sau này.

Bất hợp pháp – chọn lựa vô luân

- Không có sự kết hợp.
- Thiếu bình diện sáng tạo của hành vi vợ chồng.
- Xảy ra ở ngoài hai vợ chồng.
- Giết sự sống – các phôi thai dư thừa bị giết
- Bị đông lạnh
- Cách thu tích tinh trùng là cách vô luân
- Nếu việc thụ thai xảy ra đôi khi họ cho người khác các phôi thai của họ

Reproductive Technologies - Kỹ Thuật Truyền Sinh

Gamete inter-fallopian transfer (GIFT)

- The collection of male gametes and female gametes.
- Placed separately into special catheter.
- Injected into the woman's fallopian tube using a surgical procedure called laparoscopy.

Chuyển giao tử vào vòi dẫn trứng (GIFT)

- Thu góp các giao tử của người nam và của người nữ
- Chúng được đặt riêng rẽ vào ống thông đặc biệt.
- Được chích (thổi) vào ống dẫn trứng dùng một phẫu thuật được gọi là nội soi (laparoscopy).

Reproductive Technologies - Kỹ Thuật Truyền Sinh

Gamete inter-fallopian transfer (GIFT)

- Fertilization and pre-embryo implantation will occur just as it does naturally (inside)
- In contrast to In Vitro Fertilization (IVF) where eggs are fertilized outside the body

*This method is also called **Tubal Ovum Transfer with Sperm (TOTS).***

Chuyển giao tử vào vòi dẫn trứng (GIFT)

- Việc thụ tinh và cấy tiền phôi thai sẽ xảy ra như bình thường (bên trong)
- Trái với thụ tinh trong ống nghiệm (IVF) ở đó trứng được thụ tinh ở ngoài thân xác

*Phương pháp này được gọi là **Chuyển Noãn vào Ống Dẫn Trứng với Tinh Trùng (TOTS).***

Reproductive Technologies - Kỹ Thuật Truyền Sinh

Gamete inter-fallopian transfer (GIFT)

Moral issues

- “To Assist But Not Replace” – Pope Pius XII
- The Church only allows GIFT assuming these external conditions:
 - The ovum and sperm come only from the Spouses
 - The semen is collected only from a conjugal act
 - The ovum is collected on the same day as the conjugal act
 - The sperm is used within 72 hours of its collection – this is the period of fertilization

Chuyển giao tử vào vòi dẫn trứng (GIFT)

Các vấn đề luân lý

- “Trợ giúp mà không thay thế” – Đức Piô XII
- Hội Thánh chỉ cho phép GIFT nếu hội đủ những điều kiện bên ngoài sau:
 - Trứng và tinh trùng chỉ đến từ hai vợ chồng
 - Tinh trùng chỉ được thu lượm từ hành vi chăn gối
 - Trứng được thu lượm trong cùng một ngày mà việc chăn gối xảy ra
 - Phải sử dụng tinh trùng trong vòng 72 giờ từ khi thu lượm – đây là thời điểm thụ thai